

Bản án số: **130/2018/DSST**

Ngày: 15-8-2018

“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng về tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phú**

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp dân sự “bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm: **1970** Nơi cư trú: **Số 9, tổ 2, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.** (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Phương T**, sinh năm: **1992** Nơi cư trú: **Tổ 01, ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú, An Giang.** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 6/2016 ông Trần Phương T là người quen (bà con cô cậu) có xuống nhà giúp việc nhà cho bà, công việc là đứng bán vàng cho tiệm vàng Thanh Khang của bà, có trả tiền công hàng tháng là 3,5 triệu/tháng, không có làm hợp đồng vì là người thân nên chỉ làm và trả tiền công hàng tháng, trong thời gian đó thì ông T có làm mất 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara trong lượng 1,8 lượng, giá trị 46.980.000 đồng, tuy nhiên gia đình bà cũng

không nói gì mà để cho T tiếp tục làm vì là người quen, tuy nhiên phía ông T tự động bỏ việc không làm và bỏ đi, nay bà yêu cầu ông T phải bồi thường lại cho bà 1,8 lượng vàng 18 kara, tương đương số tiền 46.980.000 đồng.

Bị đơn ông T trình bày: Ông có làm việc cho bà C là bán vàng tại tiệm vàng Thanh Khang, lương 3 triệu/tháng, (giữa ông và bà C là bà con cô cậu ruột, ba ông là em ruột của mẹ bà C) trong thời gian bán vàng cho bà C ông có làm mất một dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng là 1,8 lượng (thời gian làm mất không nhớ thời gian nào, nhưng ông làm cho bà C khoảng 03 năm), khi đó thì phía bà C không có yêu cầu bồi thường nay bà C kiện yêu cầu ông bồi thường ông không đồng ý bồi thường, vì lúc ông còn làm không yêu cầu nên nay không đồng ý bồi thường. Lý do ông nghỉ việc là vì ông có vợ và lương 3.000.000 đồng/ tháng không đủ để ông lo cho gia đình và vợ con, lúc nghỉ làm ông có nhắn tin cho bà C biết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà C là buộc ông T bồi thường do làm mất 1,8 lượng vàng 18 kara. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án xem xét giải quyết là: “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” theo quy định tại khoản 6, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hiệu: Thời điểm thiệt hại theo nguyên đơn trình bày là tháng 6/2016, bị đơn thì không nhớ ngày tháng, nhưng có nhớ làm 03 năm cho bà C và xác định tại thời điểm hòa giải có làm mất tài sản như nguyên đơn trình bày nên vẫn còn thời hiệu. Các đương sự cũng không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3] Về nội dung:

Bà C khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường cho bà 1,8 lượng vàng 18 kara do ông T làm mất trong thời gian quản lý bán vàng cho tiệm vàng Thanh Khang của bà, việc này ông T cũng thừa nhận đã làm mất 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 1,8 lượng loại vàng 18 kara, nên đây là căn cứ để buộc ông T bồi thường cho bà C.

Giá vàng tại thời điểm xét xử được truy cập trên internet là 2.753.000 đồng/1 chỉ, tuy nhiên tại phiên tòa bà C cho rằng tại thời điểm xét xử ngày 15/8/2018 giá vàng đã hạ xuống chỉ còn 2.510.000 đồng/chỉ, nên bà chỉ yêu cầu số tiền tương đương $2.510.000 \times 18 \text{ chỉ} = 45.180.000$ đồng, xét thấy đây là yêu cầu có lợi cho bị đơn nên chấp nhận, do giá vàng thay đổi theo giá thị trường hàng ngày nên việc bà

C tại phiên tòa xác định giá vàng và yêu cầu bồi thường tương đương số tiền là phù hợp thực tế để thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những lời khai và đánh giá chứng cứ như trên, đủ cơ sở buộc ông Trần Phương T phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim C 1,8 lượng vàng 18 kara, tương đương số tiền là 45.180.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng)

[4] Về án phí:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C

Buộc ông Trần Phương T bồi thường cho bà Trần Thị Kim C 1,8 (một phẩy tám) lượng vàng, loại vàng 18 kara, tương đương số tiền là 45.180.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Trần Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.259.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số TU/2016/0009156 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi